



Australian Government
Australian Pesticides and
Veterinary Medicines Authority



UNDERSTANDING PESTICIDE CHEMICAL LABELS

HIỂU NHÃN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Thuốc trừ sâu bệnh)

© Commonwealth of Australia 2011

This work is copyright. Apart from any use permitted under the *Copyright Act 1968*, no part may be reproduced without permission from the Australian Pesticides & Veterinary Medicines Authority. Requests and inquiries concerning reproduction and rights can be made to:

The Manager, Public Affairs
Australian Pesticides and Veterinary Medicines Authority
PO Box 6182
KINGSTON ACT 2604
Australia

Email: communications@apvma.gov.au

This document is published by the APVMA. In referencing this document the APVMA should be cited as both author and publisher.

Website: This publication is available from the APVMA website: <http://www.apvma.gov.au>.

Acknowledgments: Vietnamese language translation kindly provided by Smith and Georg Pty Ltd.

Comments and enquiries may be directed to:

The Manager, Public Affairs
Australian Pesticides & Veterinary Medicines Authority
PO Box 6182
KINGSTON ACT 2604
Australia

Telephone: +61 2 6210 4700

Fax: +61 2 6210 4813

Email: communications@apvma.gov.au

CONTENTS MỤC LỤC

UNDERSTANDING PESTICIDE CHEMICAL LABELS	HIỆU NHÃN THUỐC TRỪ SÂU BỆNH	5
A	WARNINGS AND PRODUCT DESCRIPTION CẢNH BÁO VÀ MÔ TẢ SẢN PHẨM	7
A.1	The Signal Heading Tiêu đề Cảnh báo	7
A.2	Brand Name (or Trade Name) Nhãn hiệu (Hoặc Tên Thương mại)	8
A.3	Type of Chemical Loại Hoá chất	8
A.4	Active Constituent Thành phần hoạt tính	9
A.5	Resistance Group Nhóm kháng thuốc	9
A.6	What the Chemical Does Thuốc này có tác dụng gì	9
A.7	Name, Address and Phone Number of the Business That Made the Chemical Tên, địa chỉ, và số điện thoại của doanh nghiệp sản xuất hoá chất chất	9
B	DIRECTIONS AND USE HƯỚNG DẪN VÀ SỬ DỤNG	10
B.8	Restrains Hạn chế	10
B.9	Directions for Use Table Bảng hướng dẫn sử dụng	11
B.10	NOT TO BE USED FOR ANY PURPOSE... Statement Tuyên cáo... KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO BẤT CỨ MỤC ĐÍCH NÀO	11
B.11	Withholding Period (WHP) Thời gian Cách ly	12
C	GENERAL INSTRUCTIONS HƯỚNG DẪN CHUNG	13
C.12	Resistance Warning Cảnh báo kháng thuốc	13
C.13	Compatibility Tính tương thích giữa các loại thuốc	13
C.14	Mixing Instructions Hướng dẫn pha thuốc	14
C.15	APVMA compliance instructions for mandatory droplet size categories Hướng dẫn của APVMA đối với các loại thuốc có kích thước hạt phun bắt buộc	14
D	PRECAUTIONS PHÒNG NGỪA	15
D.16	Re-entry Period Thời gian trở lại	15
D.17	Plant-back Period Thời gian trồng lại	15
D.18	Protection of Crops, Native and Other Non-target Plants	16
D.19	Protection of Livestock Bảo vệ vật nuôi	16
D.20	Protection of Wildlife, Fish, Crustaceans and the Environment Bảo vệ động vật hoang dã, cá, giáp xác và môi trường	16
E	FIRST AID AND STORAGE DISPOSAL SƠ CỨU, CẤT GIỮ VÀ THẢI BỎ	17
E.21	Storage and Disposal Cất giữ và Thải bỏ	17
E.22	Safety Direction Hướng dẫn an toàn	17
E.23	First Aid Cấp cứu ban đầu	18
E.24	APVMA Approval Number Số Phê duyệt của APVMA	18
E.25	Batch number, Date of Manufacture (DOM), and Expiry Date Số lô hàng, ngày sản xuất, và ngày hết hạn	18

4 UNDERSTANDING PESTICIDE CHEMICAL LABELS
HIỂU NHÃN THUỐC TRỪ SÃU BỆNH

E.26 Dangerous Goods/Hazardous Chemical information

19

Thông tin hàng hóa nguy hiểm/hóa chất độc hại

19

UNDERSTANDING PESTICIDE CHEMICAL LABELS HIỂU NHÃN THUỐC TRỪ SÂU BỆNH

You must read the label and understand the information in it, before you use a chemical. Some chemical containers also have a small booklet of information. The booklet is part of the label, and it must also be read before using a chemical.

Quý vị cần đọc nhãn thuốc và hiểu thông tin chứa đựng trong đó trước khi sử dụng hoá chất. Một số thùng đựng hoá chất còn có kèm theo một cuốn sách hướng dẫn sử dụng nhỏ. Cuốn sách đó là một phần của nhãn thuốc, và cần được đọc trước khi sử dụng hoá chất.

The numbers in this document refer to the numbers on the attached 'model' label. The following information explains what the different sections of the label mean. Not all chemical labels have all the information as provided here.

Các số đề mục trong tài liệu này chỉ dẫn đến số đề mục trên nhãn thuốc 'mẫu' đi kèm. Thông tin sau đây giải thích ý nghĩa những phần khác nhau của nhãn. Không phải tất cả các nhãn hoá chất đều có mọi thông tin như được cung cấp tại đây.

MODEL PESTICIDES CHEMICAL LABEL

1 CAUTION

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN. READ SAFETY DIRECTIONS BEFORE OPENING OR USING.

2 **JO BLOGGS 500**

3 SELECTIVE HERBICIDE

4 ACTIVE CONSTITUENT: 500g/L 2,4-DB presents as dimethylamine salt

5 GROUP **1** HERBICIDE

6 For selective control of certain broadleaf weeds in various crops as per the directions for use table.

7 Jo Bloggs Pty Ltd, 80 Ryde St Tindale NSW 2000 EMERGENCY CONTACT NO. 1800 etc. Contents 20 L

8 DIRECTIONS FOR USE

RESTRAINTS: DO NOT apply when rain is expected within 4 hours. DO NOT apply to crops or weeds stressed by drought or cold, frosty conditions.
 SPRAY-DRIFT RESTRAINTS: DO NOT apply with spray droplets smaller than a coarse spray droplet size category according to 'APVMA Compliance Instructions...'etc.

CROP	WEEDS	STATE	APPLICATION RATE	WHP	CRITICAL COMMENTS
9 Barley, Oats	Clovers, mallow	SA, Vic, NSW	1L in 40L water	7 days	DO NOT use on buffalo grass

10 NOT TO BE USED FOR ANY PURPOSE OR IN ANY MANNER CONTRARY TO THIS LABEL UNLESS AUTHORISED UNDER APPROPRIATE LEGISLATION.

11 WITHHOLDING PERIOD: DO NOT GRAZE OR CUT FOR STOCK FOOD FOR 7 DAYS AFTER APPLICATION.

GENERAL INSTRUCTIONS

12 RESISTANCE WARNING: Jo Bloggs 500 is a member of the phenoxy group of herbicides. Its mode of action is to etc.

13 COMPATIBILITY: this product is compatible with most water-based insecticides.

14 MIXING: half fill spray tank with water, Slowly add chemical and then fill tank with water.

15 MANDATORY INSTRUCTIONS FOR GROUND APPLICATIONS: USE ONLY nozzles that the nozzles' manufacturer has rated to deliver a COARSE etc.

PRECAUTIONS

16 RE-ENTRY PERIOD: DO NOT enter treated area for 3 days, unless wearing appropriate PPE.

17 PLANT-BACK PERIOD: DO NOT plant sensitive crops (eg tomatoes) in treated soil for at least 12 days.

18 PROTECTION OF CROPS, NATIVE & NON-TARGET PLANTS: DO NOT apply under weather conditions or from spraying equipment that may cause spray to drift onto nearby susceptible plants/crops, cropping lands or pastures.

19 PROTECTION OF LIVESTOCK: Dangerous to bees. DO NOT spray any plants in flower while bees are foraging.

20 PROTECTION OF WILDLIFE, FISH, CRUSTACEANS & ENVIRONMENT: DO NOT allow chemical or used containers to contaminate streams or waterways.


21 STORAGE & DISPOSAL: Store in the closed original container in a cool, well-ventilated area. DO NOT store for prolonged periods in direct sunlight. This container can be recycled if it is clean, dry and free of visible residues and has the DrumMaster logo visible. Triple or pressure rinse container for disposal. Dispose of rinsate by adding it to the spray tank.

22 SAFETY DIRECTIONS: Will irritate eyes. When opening the container and preparing the spray, wear face shield or goggles. Wash hands after use.

23 FIRST AID: If poisoning occurs, contact a doctor or Poisons Information Centre on 131 126.

24 APVMA APPROVAL NO. XXXX

25 Batch: A76932 DOM: 10062011

26 

A

B

C

D

E

A WARNINGS AND PRODUCT DESCRIPTION CẢNH BÁO VÀ MÔ TẢ SẢN PHẨM

MODEL LABEL—SECTION A
NHÃN MẪU - PHẦN A

1 **CAUTION**

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN. READ SAFETY DIRECTIONS BEFORE OPENING OR USING.

2 **JO BLOGGS 500**

3 **SELECTIVE HERBICIDE**

4 **ACTIVE CONSTITUENT: 500g/L 2,4-DB presents as dimethylamine salt**

5 **GROUP 1 HERBICIDE**

6 For selective control of certain broadleaf weeds in various crops as per the directions for use table.

7 Jo Bloggs Pty Ltd, 80 Ryde St Tindale NSW 2000 EMERGENCY CONTACT NO. 1800 etc. Contents 20 L

A.1 THE SIGNAL HEADING *TIÊU ĐỀ CẢNH BÁO*

SIGNAL HEADING <i>TIÊU ĐỀ CẢNH BÁO</i>	WHAT IT MEANS <i>Ý NGHĨA</i>
No signal heading <i>Không có tiêu đề cảnh báo</i>	The chemical is 'unscheduled', and it is relatively safe to the person using the chemical. However, never treat any chemical lightly, as it may still affect our health, either in the short term or the long term. <i>Hoá chất này "không bị xếp hạng độc hại", và nó tương đối an toàn đối với người sử dụng. Tuy nhiên, đừng bao giờ đối xử bất cẩn với bất cứ hoá chất nào, vì nó vẫn có thể ảnh hưởng đến sức khoẻ, trước mắt hoặc lâu dài.</i>
CAUTION THẬN TRỌNG	The chemical is low to moderately hazardous to the person using the chemical. Often it can irritate the skin or eyes. <i>Hoá chất này có mức độ độc hại thấp hoặc vừa phải cho người sử dụng. Nó thường có thể gây khó chịu cho da hoặc mắt.</i>
POISON CHẤT ĐỘC	The chemical is very hazardous to the person using the chemical. It can cause poisoning if it enters a person's body. <i>Hoá chất này rất độc hại cho người sử dụng. Nó có thể gây nhiễm độc nếu xâm nhập vào cơ thể con người.</i>

8 UNDERSTANDING PESTICIDE CHEMICAL LABELS HIỂU NHÃN THUỐC TRỪ SÂU BỆNH

SIGNAL HEADING TIÊU ĐỀ CẢNH BÁO	WHAT IT MEANS Ý NGHĨA
DANGEROUS POISON CHẤT ĐỘC NGUY HIỂM	<p>The chemical is extremely hazardous to the person using the chemical. Just a small amount of the chemical can cause poisoning and even death if it enters a person's body. For these poisons there are usually restrictions on the purchase and use that are imposed by state or territory governments such as training and accreditation requirements. Check with your state/territory coordinator. Contact details available at: http://www.apvma.gov.au/use.</p> <p><i>Hoá chất này cực kỳ độc hại cho người sử dụng. Chỉ một lượng nhỏ hoá chất cũng có thể gây nhiễm độc và thậm chí tử vong nếu xâm nhập vào cơ thể người. Đối với những chất độc này, thường có hạn chế về việc mua và sử dụng do chính quyền tiểu bang hoặc lãnh thổ áp dụng, như yêu cầu về huấn luyện và chứng nhận. Hãy kiểm tra lại với điều phối viên của tiểu bang hoặc lãnh thổ của quý vị. Thông tin liên lạc có tại http://www.apvma.gov.au/use.</i></p>

The signal heading also includes instructions to keep the product out of the reach of children, and to read the safety directions before opening or using the product.

Tiêu đề cảnh báo còn bao gồm các chỉ dẫn về việc giữ sản phẩm ở ngoài tầm với của trẻ em, và đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi mở hay sử dụng sản phẩm.

A.2 BRAND NAME (OR TRADE NAME) NHÃN HIỆU (HOẶC TÊN THƯƠNG MẠI)

The common name for the chemical product.

Là tên thông dụng cho sản phẩm hoá chất.

A.3 TYPE OF CHEMICAL LOẠI HOÁ CHẤT

The broad description of what the chemical does. Common terms are:

Là phần mô tả chung về tác dụng của thuốc. Những thuật ngữ thông dụng bao gồm:

Herbicide = kills plants

Thuốc diệt cỏ = diệt thực vật

Insecticide = kills insects

Thuốc trừ sâu = diệt côn trùng

Fungicide = kills fungus diseases

Thuốc diệt nấm = diệt các bệnh về nấm khuẩn

Nematicide = kills nematodes (tiny worm-like creatures, that usually live in the soil)

Thuốc diệt giun tròn = diệt bấu rế (sinh vật nhỏ xíu giống con giun, thường sống trong đất)

Molluscicide = kills molluscs (slugs and snails).

Thuốc diệt thân mềm = diệt động vật thân mềm (ốc sên thân mềm và ốc sên vỏ cứng).

A.4 ACTIVE CONSTITUENT THANH PHẦN HOẠT TINH

This is the name of the actual part of the chemical that does the work. That is, the part that kills the weeds or insects or other pests. The concentration of the active constituent is also given.

Đây là tên của thành phần trong hóa chất mà thực sự tạo ra tác dụng của thuốc. Nghĩa là thành phần có tác dụng diệt cỏ dại, côn trùng hoặc các loài gây hại khác. Nồng độ của thành phần hoạt tính cũng được ghi rõ trong phần này.

Some products contain a solvent to dissolve the active constituent. These solvents can sometimes be poisonous, and in such cases the amount and name of the solvent is shown on the label under the heading 'Solvent'.

Một số sản phẩm chứa dung môi để hòa tan thành phần hoạt tính. Những dung môi này đôi khi có thể độc hại, và trong những trường hợp đó thì khối lượng và tên của dung môi được ghi trên nhãn dưới tiêu đề 'Dung môi'.

A.5 RESISTANCE GROUP NHÓM KHÁNG THUỐC

To prevent the pest from building-up resistance to the chemical, you should not use chemicals from the same resistance group over and over. Swap between chemicals from different resistance groups. Also see the information in section 12 below.

Để đề phòng các loài gây hại phát triển khả năng kháng thuốc, không nên sử dụng lặp đi lặp lại các loại thuốc nằm trong cùng một nhóm kháng thuốc. Hãy hoán đổi thuốc từ các nhóm kháng thuốc khác nhau. Xem thêm thông tin trong phần 12 dưới đây.

A.6 WHAT THE CHEMICAL DOES THUỐC NÀY CÓ TÁC DỤNG GÌ

This lists the things that the chemical is registered to do. It includes which crops the chemical can be used on, and which insects, weeds, diseases, etc that it is registered to control.

Phần này liệt kê những tác dụng mà loại hóa chất này được đăng ký để thực hiện. Phần này bao gồm cả những loại hoa màu mà thuốc này được phép sử dụng, và những loại côn trùng, cỏ dại, bệnh dịch, v.v... mà thuốc này được đăng ký để trị.

A.7 NAME, ADDRESS AND PHONE NUMBER OF THE BUSINESS THAT MADE THE CHEMICAL

TÊN, ĐỊA CHỈ, VÀ SỐ ĐIỆN THOẠI CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT HOÁ CHẤT

Contact the business if you need advice on how to use the chemical and if you need other information about the chemical (for example, how to clean up spilled chemical).

Hãy liên hệ với doanh nghiệp nếu quý vị muốn được tư vấn về cách sử dụng thuốc và nếu cần các thông tin khác về thuốc (ví dụ: cách dọn sạch thuốc bị đổ).

B DIRECTIONS AND USE HƯỚNG DẪN VÀ SỬ DỤNG

MODEL—SECTION B
NHÃN MẪU - PHẦN B


8 DIRECTIONS FOR USE

RESTRAINTS: DO NOT apply when rain is expected within 4 hours. DO NOT apply to crops or weeds stressed by drought or cold, frosty conditions.
SPRAY-DRIFT RESTRAINTS: DO NOT apply with spray droplets smaller than a coarse spray droplet size category according to 'APVMA Compliance Instructions...'etc.

CROP	WEEDS	STATE	APPLICATION RATE	WHP	CRITICAL COMMENTS
9 Barley, Oats	Clovers, mallow	SA, Vic, NSW	1L in 40L water	7 days	DO NOT use on buffalo grass

10 NOT TO BE USED FOR ANY PURPOSE OR IN ANY MANNER CONTRARY TO THIS LABEL UNLESS AUTHORISED UNDER APPROPRIATE LEGISLATION.

11 WITHHOLDING PERIOD: DO NOT GRAZE OR CUT FOR STOCK FOOD FOR 7 DAYS AFTER APPLICATION.



B.8 RESTRAINTS HẠN CHẾ

This is a list of situations where the chemical MUST NOT be used; either because the chemical will not work in these situations or because it is too dangerous to use the chemical in these situations. Some chemicals do not have restraints.

Đây là bản liệt kê những tình huống mà hoá chất KHÔNG ĐƯỢC sử dụng; có thể là vì hoá chất sẽ không có hiệu quả trong những tình huống này, hoặc có thể là vì sử dụng hoá chất trong những tình huống này là quá nguy hiểm. Một số hoá chất hoàn toàn không bị hạn chế.

If spray drift restraints apply, including mandatory no-spray zones, they will be listed here.

Nếu có các quy định hạn chế về việc thuốc bay lan, kể cả khu vực cấm phun thuốc, thì những hạn chế đó sẽ được liệt kê ở phần này.

Drift margin instructions may include mandatory, legally enforceable instructions, such as:

Hướng dẫn về mức độ cho phép thuốc bay lan có thể bao gồm những hướng dẫn theo luật định như:

- droplet size
kích thước hạt thuốc

- wind speeds when spraying
tốc độ gió khi phun
- surface inversion conditions
tình trạng nghịch đảo nhiệt độ trên bề mặt
- record keeping
lưu giữ hồ sơ
- downwind no-spray zones
vùng không được phun thuốc theo hướng gió

B.9 DIRECTIONS FOR USE TABLE *BẢNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG*

Information on how to use the chemical against specific pests on specific crops. Read the information in the table from left to right, making sure you read the information in **all** of the columns.

Hướng dẫn về cách sử dụng thuốc để chống lại những loài gây hại cụ thể đối với những loại hoa màu cụ thể. Hãy đọc thông tin trong bảng từ trái qua phải, và ở tất cả các cột.

CROP/SITUATION <i>HOA MÀU/ TÌNH HUỐNG</i>	PEST/WEED <i>SÂU HẠI/CỎ DẠI</i>	STATE <i>TIỂU BANG</i>	APPLICATION RATE <i>TỶ LỆ PHUN THUỐC</i>	WHP <i>THỜI GIAN CÁCH LY</i>	CRITICAL COMMENTS <i>NHẬN XÉT QUAN TRỌNG</i>
Lists the crops or situations where the product can be used. <i>Liệt kê những loại hoa màu hay tình huống mà sản phẩm có thể được sử dụng.</i>	Lists the pests or weeds that the products can control. <i>Liệt kê các loài sâu hại hoặc cỏ dại mà sản phẩm có thể kiểm soát.</i>	Lists the states where the product can be used. <i>Liệt kê các tiểu bang mà sản phẩm có thể được sử dụng.</i>	Shows the rate or range of rates that should be used to apply the chemical. <i>Cho biết tỷ lệ phun thuốc hoặc phạm vi tỷ lệ phun thuốc.</i>	Lists the withholding period (WHP) for each crop. <i>Liệt kê thời gian cách ly cho mỗi loại hoa màu.</i>	Lists important application details for each crop. <i>Liệt kê những chi tiết quan trọng về phun thuốc cho từng loại hoa màu.</i>

B.10 NOT TO BE USED FOR ANY PURPOSE... STATEMENT *TUYÊN CÁO... KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO BẤT CỨ MỤC ĐÍCH NÀO*

This statement is intended to limit the use of a product to purposes that have been assessed and approved by the APVMA. If you want to use a chemical in any way other than according to the label instructions, you may need to get a permit from the APVMA.

Tuyên cáo này nhằm hạn chế việc sử dụng thuốc chỉ cho những mục đích đã được APVMA đánh giá và phê duyệt. Nếu muốn sử dụng thuốc theo bất cứ cách nào khác với chỉ dẫn trên nhãn thuốc thì có thể quý vị phải xin giấy phép của APVMA.

B.11 WITHHOLDING PERIOD (WHP) THỜI GIAN CÁCH LY

The time from when you apply the chemical, until you can pick the crop. You **MUST NOT** harvest a crop before the withholding period has expired. Some withholding periods may also apply to grazing of livestock on treated areas or cutting for stock feed.

*Là thời gian kể từ khi phun thuốc trừ sâu bệnh cho tới khi có thể thu hoạch hoa màu. Quý vị **KHÔNG ĐƯỢC PHÉP** thu hoạch trước khi hết thời gian cách ly. Một số thời gian cách ly cũng có thể áp dụng cho việc chăn thả gia súc trên đồng cỏ được phun thuốc hoặc cắt cỏ để cho gia súc ăn.*

C GENERAL INSTRUCTIONS HƯỚNG DẪN CHUNG

MODEL LABEL—SECTION C
NHÃN MẪU – PHẦN C


GENERAL INSTRUCTIONS

12 RESISTANCE WARNING: Jo Bloggs 500 is a member of the phenoxy group of herbicides. Its mode of action is to etc.

13 COMPATIBILITY: this product is compatible with most water-based insecticides.

14 MIXING: half fill spray tank with water, Slowly add chemical and then fill tank with water.

15 MANDATORY INSTRUCTIONS FOR GROUND APPLICATIONS: USE ONLY nozzles that the nozzles' manufacturer has rated to deliver a COARSE etc.



This section includes further instructions on use of the product including:

Phần này bao gồm một số hướng dẫn chi tiết hơn về sử dụng sản phẩm, bao gồm:

C.12 RESISTANCE WARNING CẢNH BÁO KHÁNG THUỐC

These instructions should be followed, so that the insect, disease or weed does not become resistant to the chemical you are using (also see the information in section 5 above).

Những hướng dẫn này cần được tuân thủ, để ngăn côn trùng, dịch bệnh hay cỏ dại trở nên có sức đề kháng đối với loại hóa chất mà quý vị đang sử dụng (xem thêm thông tin trong phần 5 bên trên).

C.13 COMPATIBILITY TÍNH TƯƠNG THÍCH GIỮA CÁC LOẠI THUỐC

This tells you if it is safe to mix the chemical with other chemicals. If chemicals are **not** compatible, they should not be mixed together. More information about compatibility can be obtained from agronomists and consultants.

Phần này cho biết liệu có an toàn hay không khi trộn thuốc này với những thuốc khác. Nếu các loại thuốc **không** tương thích thì không nên trộn lẫn với nhau. Có thể tìm hiểu thêm thông tin về tính tương thích qua các kỹ sư nông nghiệp và chuyên gia tư vấn.

C.14 MIXING INSTRUCTIONS *HƯỚNG DẪN PHA THUỐC*

This is important information on how to mix the chemical with water. You must follow these instructions, otherwise the chemical may not work.

Đây là hướng dẫn quan trọng về cách pha thuốc với nước. Quý vị cần làm theo đúng những hướng dẫn này, nếu không thuốc có thể sẽ không có hiệu quả.

C.15 APVMA COMPLIANCE INSTRUCTIONS FOR MANDATORY DROPLET SIZE CATEGORIES

HƯỚNG DẪN CỦA APVMA ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUỐC CÓ KÍCH THƯỚC HẠT PHUN BẮT BUỘC

Any products that require application using mandatory droplet sizes will also include further mandatory instructions here.

Phần này bao gồm các hướng dẫn chi tiết hơn về kích cỡ hạt phun cho các loại thuốc phải chịu quy định này.

D PRECAUTIONS PHÒNG NGỪA

MODEL LABEL—SECTION D
NHÃN MẪU – PHẦN D

PRECAUTIONS


16 RE-ENTRY PERIOD: DO NOT enter treated area for 3 days, unless wearing appropriate PPE.

17 PLANT-BACK PERIOD: DO NOT plant sensitive crops (eg tomatoes) in treated soil for at least 12 days.

18 PROTECTION OF CROPS, NATIVE & NON-TARGET PLANTS: DO NOT apply under weather conditions or from spraying equipment that may cause spray to drift onto nearby susceptible plants/crops, cropping lands or pastures.

19 PROTECTION OF LIVESTOCK: Dangerous to bees. DO NOT spray any plants in flower while bees are foraging.

20 PROTECTION OF WILDLIFE, FISH, CRUSTACEANS & ENVIRONMENT: DO NOT allow chemical or used containers to contaminate streams or waterways.



This section includes the precautions that must be taken when using the product and includes:
Phần này bao gồm những phòng ngừa cần được thực hiện khi sử dụng sản phẩm và bao gồm:

D.16 RE-ENTRY PERIOD THỜI GIAN TRỞ LẠI

The time from when you apply the chemical, until it is safe for you to go back into the treated area. If you want to go back into the treated area before this time, you must wear the safety equipment that is listed here.

Là thời gian kể từ khi phun thuốc cho tới khi an toàn để trở lại khu vực được phun thuốc. Nếu muốn trở lại khu vực được phun thuốc thời gian này, quý vị phải sử dụng thiết bị an toàn được liệt kê ở đây.

D.17 PLANT-BACK PERIOD THỜI GIAN TRỒNG LẠI

The time from when you apply the chemical, until it is safe to plant seedlings or sow seeds into the treated soil. This applies to soil fumigants, and to some herbicides.

Là thời gian kể từ khi phun thuốc đến khi an toàn để trồng cây con hoặc gieo hạt vào đất đã được phun thuốc. Điều này áp dụng cho thuốc hun đất, và cho một số loại thuốc diệt cỏ.

D.18 PROTECTION OF CROPS, NATIVE AND OTHER NON-TARGET PLANTS
BẢO VỆ CÁC LOẠI HOA MÀU, CÂY BẢN ĐỊA VÀ CÁC LOẠI CÂY NGOÀI MỤC TIÊU KHÁC

Describes the things you need to do (or not do) so that the chemical doesn't damage crops or other desirable plants.

Mô tả những việc quý vị cần phải làm (hoặc không nên làm) để thuốc không gây hại đến hoa màu hoặc các loại cây mong muốn khác.

D.19 PROTECTION OF LIVESTOCK BẢO VỆ VẬT NUÔI

Describes the things you need to do (or not do) so that the chemical doesn't injure livestock (including bees).

Mô tả những việc quý vị cần phải làm (hoặc không nên làm) để thuốc không gây hại đến vật nuôi (kể cả loài ong).

D.20 PROTECTION OF WILDLIFE, FISH, CRUSTACEANS AND THE ENVIRONMENT
BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, CÁ, GIÁP XÁC VÀ MÔI TRƯỜNG

Describes the things you need to do (or not do) so that your chemical doesn't damage the environment (damage to these is known as 'off-target' damage).

Mô tả những việc quý vị cần phải làm (hoặc không nên làm) để thuốc không gây hại đến môi trường (thiệt hại đối với những loài này được gọi là thiệt hại 'ngoài mục tiêu').

E FIRST AID AND STORAGE DISPOSAL SƠ CỨU, CẤT GIỮ VÀ THẢI BỎ

MODEL LABEL—SECTION E
NHÃN MẪU – PHẦN E


21 STORAGE & DISPOSAL: Store in the closed original container in a cool, well-ventilated area. DO NOT store for prolonged periods in direct sunlight. This container can be recycled if it is clean, dry and free of visible residues and has the DrumMaster logo visible. Triple or pressure rinse container for disposal. Dispose of rinsate by adding it to the spray tank.


22 SAFETY DIRECTIONS: Will irritate eyes. When opening the container and preparing the spray, wear face shield or goggles. Wash hands after use.

23 FIRST AID: If poisoning occurs, contact a doctor or Poisons Information Centre on 131 126.

24 APVMA APPROVAL NO. XXXX

25 Batch: A76932 DOM: 10062011

26 



E.21 STORAGE AND DISPOSAL CẤT GIỮ VÀ THẢI BỎ

Information on how to safely store the chemical and how to safely get rid of empty containers. Note that chemicals must NEVER be kept in food or drink containers.

Hướng dẫn về cách cất giữ các loại hóa chất và cách thải bỏ thùng thuốc đã sử dụng hết một cách an toàn. Lưu ý rằng KHÔNG BAO GIỜ được đựng thuốc trong hộp đựng thức ăn hay đồ uống.

E.22 SAFETY DIRECTION HƯỚNG DẪN AN TOÀN

Information about how the chemical can affect your health, and what you should do to protect yourself from exposure to the chemical. It lists the safety equipment that you should wear when handling the chemical. You should read the safety directions **before** opening the container or using the product.

*Hướng dẫn về cách thức mà hóa chất có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của quý vị, và những điều quý vị cần làm để bảo vệ mình không bị phơi nhiễm thuốc. Phần này liệt kê các thiết bị an toàn mà quý vị nên sử dụng khi xử lý thuốc. Nên đọc hướng dẫn an toàn **trước khi** mở hộp đựng thuốc hoặc sử dụng thuốc.*

More detailed safety information can often be found in the Material Safety Data Sheet (MSDS), which can be obtained from the company that made the chemical. Most MSDS can be downloaded from company websites. There are also other websites that provide this information.

Thông tin an toàn chi tiết hơn thường có thể được tìm thấy trong phần Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu (MSDS), có thể được lấy từ công ty sản xuất thuốc. Hầu hết các bảng MSDS có thể được tải về từ trang web của công ty. Cũng có những trang web khác cung cấp thông tin này.

E.23 FIRST AID CẤP CỨU BAN ĐẦU

You should read and understand the first aid instructions on the label **before** you use the chemical, so that you know exactly what to do if there is an emergency.

*Quý vị nên đọc và hiểu hướng dẫn cấp cứu ban đầu trên nhãn **trước khi** sử dụng thuốc trừ sâu, để biết chính xác phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp.*

The Material Safety Data Sheet has much more detailed first aid instructions than the label, and often has advice for doctors. You should always have the MSDS on hand, and take it with you to the doctor or hospital if you believe you may be poisoned.

Bảng Dữ liệu An toàn Vật liệu có nhiều hướng dẫn sơ cứu chi tiết hơn so với nhãn, và thường có lời khuyên cho các bác sĩ. Nên có MSDS sẵn sàng, và mang theo tới bác sĩ hay bệnh viện nếu quý vị cho rằng có thể mình đã bị nhiễm độc.

E.24 APVMA APPROVAL NUMBER SỐ PHÊ DUYỆT CỦA APVMA

In Australia, all farm chemicals **MUST** be approved by the Australian Pesticides and Veterinary Medicines Authority (APVMA) before they can be legally sold.

*Ở Australia, mọi loại hóa chất dùng trong nông trại **PHẢI** được Cơ quan Quản lý Thuốc Bảo vệ Thực vật & Thuốc Thú y Úc châu (APVMA) phê duyệt trước khi được bán hợp pháp.*

All registered products will have either an APVMA or NRA Approval Number on them. The APVMA approval number on a chemical label is our assurance that the product has been checked as safe and effective if we follow label instructions.

Mọi loại thuốc đăng ký sẽ phải có Số Phê duyệt của APVMA hay NRA trên đó. Số phê duyệt APVMA trên một nhãn thuốc thể hiện sự bảo đảm rằng sản phẩm đó đã được kiểm tra là an toàn và hiệu quả nếu ta làm theo đúng theo hướng dẫn trên nhãn.

E.25 BATCH NUMBER, DATE OF MANUFACTURE (DOM), AND EXPIRY DATE SỐ LÔ HÀNG, NGÀY SẢN XUẤT, VÀ NGÀY HẾT HẠN

It is good to write down the **batch number** of all chemicals used, in case something goes wrong and the chemical doesn't work properly.

*Quý vị nên ghi lại **số lô hàng** của tất cả các loại thuốc mà quý vị sử dụng, để đề phòng trường hợp có chuyện gì đó không ổn và thuốc không có hiệu quả.*

Chemicals should not be used after their expiry date.

Không nên sử dụng hóa chất sau ngày hết hạn sử dụng.

E.26 DANGEROUS GOODS/HAZARDOUS CHEMICAL INFORMATION **THÔNG TIN HÀNG HÓA NGUY HIỂM/HÓA CHẤT ĐỘC HẠI**

If a chemical container has a diamond shaped symbol on it (◇), the chemical is classified as a *Dangerous Good* and/or a *Hazardous Chemical*. If a product is classed as a *Dangerous Good* there are specific laws about how to transport and store it. Check with your chemical supplier to find out if you need to take special precautions when carrying *Dangerous Goods* on your vehicle when driving on public roads.

Nếu có biểu tượng hình kim cương (◇) trên thùng thuốc thì có nghĩa là loại hóa chất này được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm và/hoặc Hóa chất Độc hại. Nếu một loại thuốc được phân loại là Hàng hóa Nguy hiểm thì có luật riêng quy định cách vận chuyển và cất giữ thuốc. Hãy kiểm tra với nhà cung cấp thuốc để tìm hiểu xem quý vị có cần có biện pháp phòng ngừa đặc biệt khi chở Hàng hóa Nguy hiểm trên xe trên đường giao thông công cộng hay không.

If the product is classified as a *Hazardous Chemical* you must comply with specific laws in relation to workplace health and safety aspects.

Nếu thuốc được phân loại là Hóa chất Độc hại, quý vị cần phải tuân theo các luật cụ thể liên quan đến các khía cạnh về sức khỏe và an toàn ở nơi làm việc.